

Bản án số: 183/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2020

V/v Ly hôn giữa bà L và ông C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân.

2. Bà Phạm Quý Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/8/2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1982; địa chỉ: đường H, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà L có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: đường H, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị Mỹ L trình bày:

Bà L và ông Trần Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Trần Lê Q, sinh ngày 24/12/2007.

Trong quá trình chung sống với nhau, bà L và ông C xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Bà L cho rằng ông C không quan tâm gì đến bà, thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, không quan tâm đến gia đình, con cái. Bà L và ông C đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Hiện nay ông C cư trú ở đâu bà L không biết, bà L đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố ông C mất tích để bổ sung hồ sơ ly hôn và Tòa án đã có quyết định chấp nhận yêu cầu của bà L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông C để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Trần Lệ Q, sinh ngày 24/12/2007. Bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định trong quá trình chung sống với ông C cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Lương Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt. Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến bà đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Về phía bị đơn: Ông Trần Văn C có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số đường H, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông C nhưng ông C đều vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà L và ông Trần Văn C không đạt được do ông C đã bị Tòa án nhân dân Quận 11 tuyên bố mất tích theo Quyết định số 472/2019/QĐDS-ST ngày 28/10/2019 nên từ đó đến nay ông C không trở về địa phương. Do đó, căn cứ Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lương Thị Mỹ L và ông Trần Văn C. Về con chung: Giao trẻ Trần Lệ Q cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Lương Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Văn C, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 472/2019/QĐDS-DS ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 11 thì ông C có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lương Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C đều vắng mặt, không đến Tòa giải quyết. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lương Thị Mỹ L và ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005. Tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà L và ông C không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông C. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, khoản 8 của Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Mỹ L.

[4] *Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung:* Bà L và ông C chung sống có 01 con chung tên là Trần Lê Q, sinh ngày 24/12/2007, ông C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Hiện nay trẻ Q đang ở cùng với bà L, do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao trẻ Q cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà L về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận lời khai của bà L xác định bà và ông C không có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b, khoản 8 của Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Mỹ L. Không công nhận bà Lương Thị Mỹ L và ông Trần Văn C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Trần Lệ Q, sinh ngày 24/12/2007 cho bà Lương Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009123 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân;
2. Bà Phạm Quý Phương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 480/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1982; địa chỉ: 82B đường Hòa Bình, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: 82B đường Hòa Bình, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Mỹ L. Không công nhận bà Lương Thị Mỹ L và ông Trần Văn C là vợ chồng.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Trần Lê Quân, sinh ngày 24/12/2007 cho bà Lương Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009123 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phúc